TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUẬN CHÂU** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/DS-ST
Ngày: 24/7/2020
V/v : Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU TỈNH SƠN LA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Lường Tiến Hải

Các Hội thẩm nhân dân : 1. Bà Lê Hồng Nhung

2. Ông Lò Văn Quốc

- Thư ký phiên toà **:** Bà Lò Mai Xiêng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuận Châu tỉnh Sơn La.

Ngày 24/7/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2020/TLST-DS ngày 27/4/2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXX -STngày 8/7/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Hùng S** và bà **Ngô Thị Minh L**; Địa chỉ: số nhà 347, tiểu khu 3, thị trấn T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Ông Nguyễn Hùng S có mặt tại phiên tòa.

Bà **Ngô Thị Minh L** ủy quyền cho ông **Nguyễn Hùng S** (Theo văn bản ủy quyền ngày 10/7/2020). Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Chị **Phan Thanh B**; Địa chỉ: tiểu khu 4, thị trấn T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Nơi công tác : Trường THCS P, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 27/4/2020 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu ông Nguyễn Hùng S và bà Ngô Thị Minh L (nguyên đơn) trình bày :

Do quen biết nên vợ chồng nguyên đơn chúng tôi có cho bị đơn là chị Phan Thanh B vay số tiền 425.000.000 đồng, cụ thể những lần vay như sau :

Lần 01 : Ngày 8/7/2018 chị B vay số tiền 180.000.000 đồng. Thời hạn trả theo yêu cầu của chúng tôi.

Lần 2 : Ngày 21/8/2018 chị B vay số tiền 100.000.000 đồng. Thời hạn trả trong hạn 10 ngày kể từ ngày vay.

Lần 3 : Ngày 13/12/2018 chị B vay số tiền 95.000.000 đồng. Thời hạn trả trong hạn 15 ngày kể từ ngày vay.

Lần 4 : Ngày 09/01/2019 chị B vay số tiền 50.000.000 đồng. Thời hạn trả vào ngày 13/01/2019.

Khi vay tiền thì hai bên có làm giấy vay tiền chị B đã viết các giấy vay tiền có chữ ký của các bên. Trong quá trình vay chị B đã trả nợ cho chúng tôi số tiền là 75.000.000 đồng, số tiền còn lại là 350.000.000 đồng chúng tôi đã nhiều lần yêu cầu chị B trả nợ nhưng chị B vẫn không thực hiện việc trả tiền cho cho chúng tôi. Chính vì vậy, chúng tôi đã có đơn khởi kiện yêu cầu Toà án buộc chị B phải thanh toán toàn bộ tiền gốc là số tiền 350.000.000đ, tiền lãi từ 09/01/2019 theo lãi suất cho vay của Ngân hàng là 0,06%/tháng cho đến thời điểm xét xử là ngày 24/7/2020 cụ thể như sau : 350.000.000 đồng x 18 tháng x 0,06% = 37.800.000 đồng. Tổng cộng chị B phải thanh toán cho chúng tôi là: 387.800.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn Phan Thanh B trình bày như sau: Tôi xác nhận việc vay tài sản giữa tôi và ông Nguyễn Hùng S và bà Ngô Thị Minh L là có thực và đúng như các nguyên đơn đã trình bày. Số tiền tôi là để làm ăn, sau khi vay tiền do làm ăn thua lỗ nên không thể trả hết cho vợ chồng ông Nguyễn Hùng S và bà Ngô Thị Minh Lan, trong quá trình vay tôi đã trả được số tiền 75.000.000 đồng, số tiền còn lại là 350.000.000 đồng tôi chưa có tiền để trả. Còn về lãi ông Nguyễn Hùng S và bà Ngô Thị Minh L tính là 37.800.000 đồng là hợp lý. Tôi nhất trí trả nợ mong ông Nguyễn Hùng S và bà Ngô Thị Minh L xem xét giảm số lãi cho tôi bởi vì điều kiện của tôi hiện không có khả năng trả nợ.

Tại bản tự khai, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa các bên đương sự đã không thống nhất về việc trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án : Ông Nguyễn Hùng S và bà Ngô Thị Minh L có đơn khởi kiện yêu cầu chị Phan Thanh B phải trả số tiền vay nợ. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 BLDS năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của nguyên đơn bà Ngô Thị Minh L : Bà Ngô Thị Minh L và ông Nguyễn Hùng S có quan hệ vợ chồng, Bà Ngô Thị Minh L vắng mặt đã ủy quyền là ông Nguyễn Hùng S (Theo văn bản ủy quyền ngày 10/7/2020) là phù hợp, vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Lan.

[2].Về nội dung tranh chấp : Tại bản tự khai, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn Phan Thanh B thừa nhận vay ông Nguyễn Hùng S và bà Ngô Thị Minh L 04 lần với tổng số tiền 425.000.000 đồng, đã trả được số tiền 75.000.000 đồng, số tiền còn lại là 350.000.000 đồng bị đơn chưa có tiền để trả. Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Như vậy, việc chị B đã vay của các nguyên đơn số tiền 425.000.000 đồng là có thật.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hùng S và bà Ngô Thị Minh L thì thấy rằng: Việc vay tiền giữa các bên có xảy ra trên thực tế, thể hiện tại các tờ giấy vay tiền do bị đơn chị B đã viết và ký tên vào các giấy vay tiền : Ngày 8/7/2018 chị B vay số tiền 180.000.000 đồng. Thời hạn trả theo yêu cầu của nguyên đơn; Ngày 21/8/2018 chị B vay số tiền 100.000.000 đồng. Thời hạn trả trong hạn 10 ngày kể từ ngày vay; Ngày 13/12/2018 chị B vay số tiền 95.000.000 đồng. Thời hạn trả trong hạn 15 ngày kể từ ngày vay; Ngày 09/01/2019 chị B vay số tiền 50.000.000 đồng. Thời hạn trả vào ngày 13/01/2019.

Khi vay tiền thì hai bên có làm giấy vay tiền có chữ ký của các bên. Nội dung của giấy vay tiền nêu trên phù hợp với nội dung tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn B đều thừa nhận bị đơn có làm giấy vay tiền, thỏa thuận thời hạn trả nợ như nguyên đơn khai. Do bị đơn B không thực hiện việc trả tiền cho các nguyên đơn theo đúng thỏa thuận là vi phạm điều kiện thanh toán được quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 đã quy định bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn. Các bên đương sự đều thừa nhận thời hạn vay tài sản theo thỏa thuận, tuy nhiên bị đơn không thực hiện đúng thỏa thuận nêu trên. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Hùng S và bà Ngô Thị Minh L là có căn cứ đúng pháp luật.

- Về lãi suất: Mặc dù trong các giấy vay tiền các đương sự không tính lãi suất; Do đến kỳ hạn bên vay vẫn chưa trả được số tiền theo các giấy vay nợ, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất từ ngày 09/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 24/7/2020 là 18 tháng, yêu cầu tính lãi là 0,06%/tháng là phù hợp với quy định tại Điều 468 của BLDS năm 2015 cần được chấp nhận; Chị B đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết, chị B chấp nhận yêu cầu tính lãi như nguyên đơn đưa ra, chỉ yêu cầu phía nguyên đơn xem xét đến điều kiện, hoàn cảnh hiện tại của bị đơn, do đó các đương sự không có tranh chấp về lãi; Cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Nguyễn Hùng S và bà Ngô Thị Minh L buộc chị Phan Thanh B phải thanh toán toàn bộ tiền nợ gốc là 350.000.000 đồng và tiền lãi là 37.800.000 đồng. Tổng cộng là : 387.800.000 đồng.

[2]. Về án phí : Trong vụ án này yêu cầu của ông Nguyễn Hùng S và bà Ngô Thị Minh L được Tòa án chấp nhận toàn bộ, bị đơn chị Phan Thanh B là người có lỗi do vậy phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 387.800.000 đồng x 5% = 19.390.000 đồng.

Ông Nguyễn Hùng S và bà Ngô Thị Minh L được hoàn lại tạm ứng án phí số tiền 8.750.000[đ] vận dụng khoản 3 Điều 144; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3]. Về quyền kháng cáo : Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 280, Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu kiện đòi nợ của Ông Nguyễn Hùng S và bà Ngô Thị Minh L. Xử buộc chị Phan Thanh B phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền lãi cho ông Nguyễn Hùng S và bà Ngô Thị Minh L như sau : Số tiền nợ gốc là: 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng) + số tiền lãi là 37.800.000 đồng (ba mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng). Tổng cộng là 387.800.000 đồng (ba trăm tám mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất của các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí : Chị Phan Thanh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 19.390.000 đồng (mười chín triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng).

Ông Nguyễn Hùng S và bà Ngô Thị Minh L được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.750.000 đồng (tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La theo biên lai thu số AA/2016/0004302 ngày 27/4/2020.

3. Về quyền kháng cáo : Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Thuận Châu (2 bản);
- Chi cụcTHADS huyện Thuận Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lường Tiến Hải